

Phụ lục 1
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6639/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Cơ quan thực hiện	Cơ quan công bố nội dung TTHC
I	Lĩnh vực Công Thương			
1	Ban hành Kế hoạch phát triển chợ.	UBND tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Công Thương; Các Sở ngành, đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường	Sở Công Thương
2	Ban hành Nội quy chợ mẫu.	UBND tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Công Thương; Các Sở ngành, đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường	Sở Công Thương
3	Thẩm định kế hoạch hoặc đề án khuyến công địa phương	UBND tỉnh	UBND tỉnh; Sở Công Thương	Sở Công thương
II	Lĩnh vực Xây dựng			
4	Thỏa thuận quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn (trường hợp UBND cấp xã, cộng đồng dân cư là Chủ đầu tư).	UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III.	UBND tỉnh	Sở Xây dựng, đơn vị đăng kiểm trực thuộc	Sở Xây dựng

6	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng II.	UBND tỉnh	Sở Xây dựng, đơn vị đăng kiểm trực thuộc	Sở Xây dựng
7	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng I.	UBND tỉnh	Sở Sở Xây dựng, đơn vị đăng kiểm trực thuộc	Sở Xây dựng
8	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III.	UBND tỉnh	Sở Xây dựng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Sở Xây dựng
9	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng II.	UBND tỉnh	Sở Xây dựng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Sở Xây dựng
10	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng I.	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Xây dựng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Sở Xây dựng
11	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bến phà hạng II.	UBND tỉnh	Sở Xây dựng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Sở Xây dựng
12	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý vận tải quá cảnh hạng III.	UBND tỉnh	Sở Xây dựng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc	Sở Xây dựng
III.	Lĩnh vực Thanh tra			
13	Ban hành Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
14	Báo cáo, nộp lại quà tặng.	UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh

15	Xử lý quà tặng đối với quà tặng bằng tiền, giấy tờ có giá; hiện vật; dịch vụ; động, thực vật.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
16	Quyết định áp dụng biện pháp giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
17	Quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
18	Quyết định áp dụng biện pháp đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
19	Ra quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
20	Quyết định hủy bỏ quyết định tạm	Chủ tịch UBND	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh

	đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác và công khai quyết định hủy bỏ việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác.	tỉnh		
21	Ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn.	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
22	Ban hành kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm (sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch).	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
23	Ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập theo Quyết định xác minh tài sản, thu nhập của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; công khai Kết luận xác minh.	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
24	Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập (theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, cơ quan trung	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh

	ương của các tổ chức chính trị - xã hội; Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.)			
25	Tiếp nhận yêu cầu giải trình.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
26	Thực hiện việc giải trình.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
27	Cấp mới, cấp đổi Thẻ thanh tra.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
28	Cấp lại Thẻ thanh tra.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
29	Miễn nhiệm đối với thanh tra viên.	Chủ tịch UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh
IV	Lĩnh vực Ngoại giao			
30	Quyết định về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở.	Chủ tịch UBND tỉnh	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (cơ quan cấp Sở); Sở Ngoại vụ và các cơ quan khác có liên quan.	
31	Quyết định về việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh UBND cấp xã biên giới.	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã biên giới, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan	
32	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận	Chủ tịch UBND tỉnh	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (cơ quan cấp Sở); Sở Ngoại	

	quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở.		vụ và các cơ quan khác có liên quan.	
33	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp xã biên giới.	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND cấp xã, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan	
34	Quyết định về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp Sở.	Chủ tịch UBND tỉnh	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (cơ quan cấp Sở); Sở Ngoại vụ và các cơ quan khác có liên quan.	
35	Quyết định về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan cấp xã biên giới.	Chủ tịch UBND tỉnh	UBND các xã biên giới, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, cơ quan cấp Sở có liên quan trực tiếp và các cơ quan khác có liên quan	
V	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch			
36	Thủ tục đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và di tích trong Danh mục kiểm kê di tích thuộc sở hữu toàn dân	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
37	Thủ tục quyết định tổ chức bắn pháo hoa nổ hoặc thay đổi tầm bắn, thời lượng bắn pháo hoa nổ	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
38	Thông báo tuyên truyền nhiệm vụ	Sở Văn hóa, Thể	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và

	chính trị, an sinh xã hội bằng hình thức băng rôn, bảng	thao và Du lịch		Du lịch
39	Xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
40	Xét, công nhận quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
41	Xét, công nhận lại quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
42	Kiểm kê di tích	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
43	Phê duyệt Quy hoạch khảo cổ ở địa phương	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
44	Điều chỉnh Quy hoạch khảo cổ ở địa phương	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
45	Lập, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
46	Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch di tích và quy hoạch di tích đối với cụm di tích cấp tỉnh, di tích quốc gia	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

47	Phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
48	Điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
49	Phê duyệt danh mục tên đường, phố và công trình công cộng.	UBND tỉnh/HĐ ND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
50	Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh.	UBND tỉnh/HĐ ND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
51	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
52	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
53	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
54	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
55	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch,	Sở Văn hoá, Thể thao và

	hạng II		UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Du lịch
56	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
57	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
58	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
59	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
60	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
61	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
62	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
63	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
64	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện	Sở Văn hoá, Thể thao và	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

	viên	Du lịch		
65	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
66	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sỹ hạng III	UBND tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
67	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sỹ hạng II	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
68	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sỹ hạng I	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
69	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
70	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
71	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
72	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
73	Xét thăng hạng chức danh nghề	UBND tỉnh	UBND tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch,	Sở Văn hoá, Thể thao và

	nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa lên Tuyên truyền viên văn hóa chính		UBND cấp xã, Sở Nội vụ	Du lịch
74	Thủ tục phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
75	Thủ tục điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh	UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
76	Cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch (địa phương)	UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
77	Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm dạng in (địa phương)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
78	Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm điện tử (địa phương)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
VI.	Lĩnh vực Tư pháp			
79	Quyết định danh mục quyết định của UBND cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
80	Quyết định công	Chủ tịch	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

	nhận báo cáo viên pháp luật (cấp tỉnh).	UBND tỉnh		
81	Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (cấp tỉnh).	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
82	Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền (cấp tỉnh).	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
83	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật.	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
84	Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền (cấp tỉnh).	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
85	Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp <i>(theo quyết định phân công của UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh)</i>	Sở Tư pháp
86	Xây dựng, ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND do	HĐND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

	UBND tỉnh trình			
87	Xây dựng ban hành Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
88	Xây dựng ban hành Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
89	Cập nhật văn bản QPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
90	Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
91	Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
92	Xét thăng hạng chức danh hỗ trợ nghiệp vụ hạng II.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
93	Xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
94	Thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp.	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
95	Thành lập Phòng công chứng.	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp

96	Giải thể Phòng công chứng.	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
97	Chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng.	UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
98	Giới thiệu trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi nước ngoài	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
VII.	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			
99	Phê duyệt danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.	UBND tỉnh.	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng Giáo dục phổ thông) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
100	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa do các cơ sở giáo dục lựa chọn.	UBND tỉnh.	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng Giáo dục phổ thông) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
101	Đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng QLCL-CĐS) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
102	Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng Kế hoạch – Tài chính)	Sở Giáo dục và Đào tạo

	có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1.		- Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	
103	Công nhận thư viện trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là trung học phổ thông) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng Kế hoạch – Tài chính) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
104	Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo trong các đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (phòng Kế hoạch – Tài chính) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
105	Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
106	Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng I.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
107	Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ)	Sở Giáo dục và Đào tạo

			- Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	
108	Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng I.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
109	Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng II.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan	Sở Giáo dục và Đào tạo
110	Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng I.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
111	Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng II.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
112	Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng I.	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
113	Lựa chọn sách giáo	Sở Giáo	- Cơ quan thực hiện: Sở	Sở Giáo dục

	khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.	dục và Đào tạo	Giáo dục và Đào tạo (Phòng Giáo dục phổ thông) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	và Đào tạo
114	Điều chỉnh bổ sung danh mục sách giáo khoa để sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Giáo dục phổ thông) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
115	Thủ tục tổ chức cuộc thi, hội thi cấp trung học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Giáo dục phổ thông) - Cơ quan phối hợp: Các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan.	Sở Giáo dục và Đào tạo
116	Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp công lập/Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ)	Sở Giáo dục và Đào tạo

117	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ)	Sở Giáo dục và Đào tạo
118	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ)	Sở Giáo dục và Đào tạo
119	Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ)	Sở Giáo dục và Đào tạo
120	Thủ tục đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ)	Sở Giáo dục và Đào tạo
121	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo
122	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo

	giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập hoạt động trở lại			
123	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
124	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
125	Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
126	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoạt động trở lại	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
127	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
128	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo
129	Thủ tục chấp thuận việc dạy và học tiếng nói, chữ viết	UBND tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo

	của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên		(Phòng GDPT đối với cơ sở giáo dục phổ thông; Phòng GDNN-GDTX đối với trung tâm GDTX)	
VIII	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường			
130	Trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
131	Trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất hằng năm để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
132	Trình tự điều chỉnh bảng giá đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
133	Trình tự định giá đất cụ thể đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
134	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu	Thủ tướng Chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	phủ		trường
135	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủ tướng Chính phủ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
136	Thẩm định hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
137	Thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường đất khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
138	Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
139	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
140	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp xã.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
141	Di dời, phá dỡ công trình hạ tầng đo đạc	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
142	Lưu trữ thông tin,	UBND	Sở Nông nghiệp và Môi	Sở Nông

	dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	tỉnh	trường	ng nghiệp và Môi trường
143	Tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
144	Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
145	Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
146	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
147	Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.			
148	Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
149	Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
150	Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
151	Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
152	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
153	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
154	Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác			
155	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
156	Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
157	Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
158	Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
159	Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
160	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

161	Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
162	Trình ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường sau khi được ban hành.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
163	Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
164	Xét thăng hạng địa chính viên hạng III.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
165	Xét thăng hạng địa chính viên hạng II.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

				trường
166	Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
167	Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
168	Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
169	Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
170	Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
171	Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
172	Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
173	Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II.	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
174	Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
175	Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên	UBND	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	hạng II.	tỉnh	trường	trường
176	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên bảo vệ thực vật hạng IV lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
177	Xét thăng hạng viên chức từ Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
178	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên giám định thuốc bảo vệ thực vật hạng IV lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
179	Xét thăng hạng viên chức từ Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng III lên Giám định viên thuốc bảo vệ thực vật hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
180	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm cây trồng hạng IV lên Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
181	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên cây trồng hạng III lên Kiểm nghiệm viên	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	cây trồng hạng II			
182	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên chẩn đoán bệnh động vật hạng IV lên chẩn đoán bệnh động vật hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
183	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Chẩn đoán bệnh động vật hạng III lên Chẩn đoán bệnh động vật hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
184	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm tra vệ sinh thú y hạng IV lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
185	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng III lên Kiểm tra viên vệ sinh thú y hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
186	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thuốc thú y hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

187	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng III lên Kiểm nghiệm viên thuốc thú y hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
188	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm chăn nuôi hạng IV lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
189	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng III lên Kiểm nghiệm viên chăn nuôi hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
190	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm nghiệm thủy sản hạng IV lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
191	Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng III lên Kiểm nghiệm viên thủy sản hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
192	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên khuyến nông hạng IV lên Khuyến nông viên hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

193	Xét thăng hạng viên chức từ Khuyến nông viên hạng III lên Khuyến nông viên hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
194	Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên quản lý bảo vệ rừng hạng IV lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
195	Xét thăng hạng viên chức từ Quản lý bảo vệ rừng viên hạng III lên Quản lý bảo vệ rừng viên hạng II	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
196	Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
197	Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
198	Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
199	Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
200	Tiếp nhận, xác lập lâm sản, động vật,	UBND	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	tỉnh	trường	trường
201	Phê duyệt phương án xử lý lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
202	Giao tài sản là gỗ, thực vật ngoài gỗ cho cơ quan quản lý chuyên ngành	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
203	Giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đối với gỗ, thực vật ngoài gỗ không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I, Phụ lục I CITES	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
204	Thả động vật về môi trường tự nhiên	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
205	Chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
206	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 đơn vị	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	hành chính cấp xã trở lên trong phạm vi tỉnh			trường
207	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên trong phạm vi tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
208	Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
209	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
210	Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
211	Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
212	Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
213	Tiếp nhận, xác lập thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
214	Phê duyệt phương	UBND	Sở Nông nghiệp và Môi	Sở Nông

	án xử lý thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	tỉnh	trường	ng nghiệp và Môi trường
215	Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
216	Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
217	Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
218	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
219	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
220	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	ban nhân dân cấp tỉnh			trường
221	Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
222	Thu hồi bằng Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
223	Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	UBND tỉnh	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường
224	Thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	UBND tỉnh	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường
225	Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao, 4 sao	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
226	Đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
227	Phê duyệt điều chỉnh chương trình khuyến nông địa phương	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

228	Chuyển vị bảo tồn động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
229	Thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp nhận được thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
IX	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ			
230	Thành lập sàn giao dịch công nghệ vùng.	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
231	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
232	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ cấp tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
233	Giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ

	đầu tư.			
234	Công nhận sáng kiến, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh của sáng kiến, đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ do cán bộ, công chức, viên chức là tác giả.	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
235	Công nhận sáng kiến, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và phạm vi ảnh hưởng trong sở, ban, ngành tỉnh của sáng kiến, đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ do cán bộ, công chức, viên chức là tác giả.	Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở	Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ
236	Xét thăng hạng viên chức từ trợ lý nghiên cứu lên nghiên cứu viên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
237	Xét thăng hạng viên chức từ nghiên cứu viên lên nghiên cứu viên chính.	UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
238	Xét thăng hạng viên chức từ kỹ thuật viên lên kỹ sư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
239	Xét thăng hạng viên chức từ kỹ sư	UBND	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học

	lên kỹ sư chính.	tỉnh	nghệ	và Công nghệ
240	Cấp mới hợp thư công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
241	Thủ tục cấp lại mật khẩu hợp thư điện tử công vụ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
242	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
243	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
244	Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
245	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III.	Trung tâm Chuyển đổi số	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ
246	Xét thăng hạng viên chức chuyên	Trung tâm	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ

	ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II.	Chuyển đổi số		
247	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng I.	Trung tâm Chuyển đổi số hoặc theo phân cấp của UBND tỉnh	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ
248	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III.	Trung tâm Chuyển đổi số	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ
249	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II.	Trung tâm Chuyển đổi số	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ
250	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng I.	Trung tâm Chuyển đổi số hoặc theo phân cấp của UBND tỉnh	Trung tâm Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ
X	Lĩnh vực Tài chính			

251	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
252	Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
253	Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
254	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
255	Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh.	HĐND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
256	Quyết định/ Điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C do địa phương quản lý.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
257	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
258	Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A,	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	nhóm B, nhóm C.			
259	Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
260	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài do địa phương quản lý.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
261	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
262	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Đối với chương trình, dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng do địa phương quản lý).	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
263	Quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
264	Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	lý cấp tỉnh			
265	Phê duyệt Dự án, Kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi quản lý cấp xã	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
266	Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
267	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
268	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
269	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
270	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	cơ quan có thẩm quyền lập (cấp tỉnh).			
271	Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư).	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
272	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
273	Phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
274	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
275	Quyết định chủ trương đầu tư các	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.			
276	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
277	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
278	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.			
279	Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
280	Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
281	Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

282	Quyết định tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý).	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
283	Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý).	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
284	Lập quy hoạch tỉnh	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
285	Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
286	Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
287	Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
288	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.			
289	Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 29 của Luật Đấu thầu.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
290	Ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của địa phương.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
291	Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
292	Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
293	Lựa chọn danh sách ngân.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
294	Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
295	Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
296	Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	cấp xã.			
297	Xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
298	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
299	Quyết định điều chuyển tài sản công.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
300	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi kết thúc.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
301	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp xử lý tài sản công kết hợp với chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
302	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại cho Nhà nước.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
303	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.			
304	Quyết định bán tài sản công.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
305	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
306	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
307	Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
308	Quyết định thanh lý tài sản công.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
309	Quyết định tiêu hủy tài sản công.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
310	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
311	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
312	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công	Chủ tịch UBND	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	tỉnh		
313	Thu hồi tài sản để giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
314	Thanh toán chi phí liên quan đến việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
315	Thanh toán chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
316	Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ của cơ quan Việt Nam ở.	UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
317	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
318	Cấp phát kinh phí hỗ trợ đối với các tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính	Sở Tài chính
319	Phê duyệt phương	Sở Tài	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.	chính		
320	Bổ sung dự toán chi nhiệm vụ đột xuất với mức chi tối đa không quá 20 triệu đồng/vụ việc.	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
321	Chi hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
322	Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách.	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
323	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
324	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
325	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính

	giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý			
326	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
327	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Tài chính
XI	Lĩnh vực Nội vụ			
328	Thẩm định tài liệu hết giá trị của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
329	Tạm đình chỉ công tác đối với công chức	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
330	Miễn nhiệm đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ

331	Từ chức đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
332	Thôi việc đối với công chức, viên chức	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
333	Xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
334	Nâng bậc lương thường xuyên/nâng phụ cấp thâm niên vượt khung.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
335	Thẩm định cho ý kiến đối với công chức các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh chuyển công tác đến các cơ quan, đơn vị ngoài tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
336	Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
337	Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ngoài nước.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
338	Lập Kế hoạch biên chế hàng năm của	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ

	tỉnh.			
339	Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
340	Quyết định nghỉ hưu đối với công chức, viên chức.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
341	Bổ nhiệm lãnh đạo cấp sở và tương đương.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
342	Bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp sở và tương đương.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
343	Quy hoạch cán bộ tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
344	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
345	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
346	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
347	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ

	thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh			
348	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
349	Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
350	Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
351	Thủ tục điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
352	Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
353	Thủ tục điều chỉnh vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ

	định của UBND tỉnh			
354	Thủ tục thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
355	Thủ tục thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
356	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
357	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (ấp mới, khu phố mới)	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
358	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
359	Thủ tục tặng cờ thi đua của UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
360	Thủ tục tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
361	Thủ tục tặng danh Tập thể lao động xuất sắc	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
362	Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ

	theo chuyên đề			
363	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đột xuất	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
364	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
365	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thành tích đối ngoại	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
366	Thủ tục tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh theo chuyên đề (sửa tên TTHC)	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
367	Đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng.	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
368	Chuyển ngạch công chức.	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
369	Xét nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch cán sự hoặc tương đương; từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ

	hoặc tương đương.			
370	Xét nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
371	Tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã, viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập vào làm công chức.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
372	Tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức từ khối Đảng, đoàn thể, doanh nghiệp nhà nước vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước thuộc tỉnh.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
373	Xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức.	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
374	Kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu.	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
375	Tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
376	Điều động công chức	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
377	Chuyển công tác ngoài tỉnh đối với viên chức	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ

378	Biệt phái công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
379	Không thực hiện chế độ tập sự cho công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
380	Kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý đối với công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
381	Bỏ nhiệm lãnh đạo cấp Trưởng phòng và tương đương	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
XII	Lĩnh vực Công tác Văn phòng			
382	Thẩm định tài liệu hết giá trị của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử.	Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ
383	Ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Các sở, ngành tỉnh	VP UBND tỉnh
384	Rà soát, phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo kế hoạch hàng năm.	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	VP UBND tỉnh	VP UBND tỉnh
385	Cập nhật thông tin về tình hình thực hiện nhiệm vụ các địa phương được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Các sở, ngành tỉnh	VP UBND tỉnh